TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST
Ngày 26/6/2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Khắc Dũng.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2017/TLST-DS ngày 06/10/2017, về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX-ST ngày 28/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn H; Trú tại: Khối 2, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân N; Trú tại: Khối 2, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bà Nguyễn Thị X ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối 2, E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chỗ ở: Thôn Ngọc Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị P; trú tại: Khối 2, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2017, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Văn H trình bày có nội dung như sau:

Trên mối quan hệ quen biết với ông N và bà X vào ngày 03/3/2017 ông N và bà X có vay của vợ chồng ông H 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền mà đến ngày khởi kiện thì ông H mới ghi vào, thời hạn vay 03 tháng ngày trả là ngày 03/6/2017, khi vay không thế chấp tài sản, giấy tờ gì, khi đến hạn trả nợ ông N bà X chưa trả cho vợ chồng ông H được đồng tiền gốc và lãi nào mặc dù ông H đòi rất nhiều lần.

Nay ông H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông N bà X có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 1%/tháng từ ngày vay cho đến ngày xét xử vụ án.

Đối với lời khai của bà X trong bản tự khai đã khai trả được 8.000.000 đồng tiền gốc, 900.000 đồng tiền lãi cho bà Trần Thị P là vợ ông H vào ngày 10/6/2017, nay chỉ còn nợ lại 2.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này thì ông H không đồng ý mà xác định ông N bà X chưa trả cho vợ chồng ông H được khoản tiền gốc, lãi nào, ngoài ra ông H không có ý kiến, yêu cầu nào thêm.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P trình bày có nội dung như sau:

Bà P đồng ý với lời trình bày của ông H và xác định ông N bà X chưa trả cho vợ chồng bà được bất kỳ khoản tiền gốc, lãi nào, lời khai của bà X, ông N xác định đã trả cho bà P được 8.000.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi vào ngày 10/6/2017 là không đúng thực tế, bà P không đồng ý với lời khai này, nay bà P đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông N, bà X trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận là 1%/tháng từ ngày vay cho đến nay, ngoài ra bà P không có ý kiến gì thêm.

Tại bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Xuân N trình có nội dung như sau:

Ngày 03/3/2017 ông N cùng với bà X có vay của vợ chồng ông H số tiền nợ 10.000.000 đồng, hẹn đến ngày 03/6/2017 sẽ trả số tiền trên, khi vay không thỏa thuận lãi suất cũng như thế chấp tài sản giấy tờ gì, ông N có viết 01 giấy vay tiền cho ông H để làm tin, tuy nhiên chữ viết lãi 1%/tháng thì ông N không viết chữ này. Đến ngày 05/6/2017 ông N có đưa 10.000.000 đồng cho bà X là vợ ông N nhưng không đăng ký kết hôn, mang đến trả cho ông H, sau khi bà X trả tiền cho ông H thì về nói lại ông N là đã trả tiền cho ông H rồi. Vào tháng 8/2017 bà X bỏ nhà về sinh sống tại Thôn Ngọc Q, xã T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Tại bản tự khai của bà X cũng xác định đã trả cho vợ chồng ông H 8.000.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại 2.000.000 đồng, nay ông H khởi kiện chỉ đồng ý trả cho vợ chồng ông H số tiền nợ gốc còn lại là 2.000.000 đồng và tiền lãi khi vay không có lãi nên ông N không đồng ý trả tiền lãi.

Tại bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày có nội dung như sau:

Bà X và ông N chung sống với nhau như vợ chồng có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vào ngày 03/3/2017 bà X cùng

ông N có đến nhà ông H vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả ngày 03/6/2017 và không thế chấp tài sản, giấy tờ gì. Trong quá trình vay bà X đã trả được 8.000.000 đồng nợ gốc và 900.000 đồng tiền lãi vào ngày 10/6/2017 cho vợ ông H là bà Trần Thị P nhưng không yêu cầu bà P viết giấy biên nhận đã nhận tiền.

Nay ông H khởi kiện và cung cấp giấy vay tiền ngày 03/3/2017 thì bà X xác định việc vay mượn tiền, viết, ký giấy vay tiền là đúng thực tế. Tuy nhiên, ông H khởi kiện đòi số tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi là 700.000 đồng thì không đúng, nên bà X chỉ chấp nhận trả cho ông H số tiền gốc còn nợ lại 2.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong qúa trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên cần khắc phục về thời hạn giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147, Điều 266 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Điều 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H buộc ông N bà X có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông H số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà X là phù hợp.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy theo giấy vay tiền ngày 03/3/2017, ông N và bà X ký giấy vay tiền của vợ chồng ông H với số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 03/6/2017, khi vay không thế chấp tài sản giấy tờ gì, không thỏa thuận lãi suất. Quá trình giải quyết vu án và tại phiên nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận và không phản đối việc này. Do đó, nay nguyên đơn ông H khởi kiện buộc bị đơn ông N, bà X trả số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận khi vay các bên không thỏa thuận lãi suất, lãi suất 1%/tháng tại giấy vay tiền ngày 03/03/2017 là do nguyên đơn ông H tự ý ghi vào khi thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án, nay bị đơn ông nhiệm không đồng ý trả lãi suất, nguyên đơn đề nghị tính lãi suất là 1%/tháng kể từ ngày 03/03/2017 đến ngày xét xử là không có căn cứ chấp nhận.

Xét giấy vay tiền ngày 03/3/2017 không có lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 03/6/2017 nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi thì lãi suất được tính cụ thể như sau.

10.000.000 đồng x 10%/năm x 12 tháng + 23 ngày = 1.063.500 đồng (tính từ ngày 03/6/2017 đến ngày xét xử); tổng gốc và lãi là 11.063.500 đồng.

Vì vậy cần buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Phan Văn H và bà Trần Thị P số là 11.063.500 đồng (trong đó gốc 10.000.000 đồng, lãi 1.063.500 đồng); tuy nhiên ông N, bà X chung sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hiện không còn chung sống với nhau nữa.

Vì vậy, cần buộc ông N, bà X có trách nhiệm trả ½ khoản nợ trên cho vợ chồng ông H, bà P được chia theo phần cụ thể ông Nguyễn Xuân N trả 5.531.750 đồng, bà Nguyễn Thị X trả 5.531.750 đồng (trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng; tiền lãi 531.750 đồng).

[3] Đối với ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị X thừa nhận ngày 03/3/2017 có vay của vợ chồng ông H số tiền 10.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả ngày 03/6/2017, khi vay không thế chấp tài sản giấy tờ gì, quá trình vay đã trả được 8.000.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi, người trả tiền là bà X người nhận tiền là bà P, nay chỉ chấp nhận trả số tiền gốc còn lại là 2.000.000 đồng, nhưng ý kiến này nguyên đơn ông H, người liên quan bà P không thừa nhận, bị đơn ông N, bà X không cung cấp được bất kỳ chứng cứ, tài liệu gì chứng minh do đó Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận ý kiến của phía bị đơn.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả giai đoạn Thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông N, bà X mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0003032 ngày 06/10/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn H.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phan Văn H và bà Trần Thị P tổng số tiền nợ gốc và lãi là 12.127.000 đồng, được chia theo phần cụ thể ông Nguyễn Xuân N trả 6.063.500 đồng, bà Nguyễn Thị X trả 6.063.500 đồng (trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng; tiền lãi 1.063.500 đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tính lãi suất chậm trả giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị X mỗi người phải chịu 303.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Phan Văn H số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0003032 ngày 06/10/2017.

Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Eakar;
- CCTHADS huyện Eakar;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Thanh